

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 986/2026/DS-PT
Ngày: 31-7-2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa
Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2026, về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2026/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 527/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị D, sinh năm 1961 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú tại: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú tại: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trần Minh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tạ Thị D trình bày:

Vào ngày 12/10/2021 ông Trần Minh Đ có vay của bà số tiền 30.000.000 đồng, giấy nợ do ông Đ viết và ký tên, hai bên thoả thuận tiền lãi 5%/ tháng, ông

Đ đóng lãi được 03 tháng thì ngưng, không thoả thuận thời gian trả lại số tiền gốc chỉ nói khi nào cần thì báo trước cho ông Đ sẽ trả lại. Tuy nhiên khi cần tiền bà có báo cho ông Đ nhưng ông Đ không trả mà kéo dài nên đã đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng ông Đ không trả. Nay bà yêu cầu ông Trần Minh Đ có trách nhiệm trả lại số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trần Minh Đ trình bày:

Ông Đ và bà Tạ Thị D không có mối quan hệ họ hàng, ông thừa nhận có vay của bà Tạ Thị D số tiền 30.000.000 đồng, khi vay tiền ông có viết giấy nợ cho bà D giữ, tiền lãi hai bên thoả thuận theo giấy nợ 1.500.000 đồng/ tháng, tuy nhiên có thoả thuận bằng lời nói 6.000.000 đồng/ tháng, ông đã đóng lãi cho bà D từ ngày vay tiền cho đến tháng 12/2023 thì ngưng; tuy nhiên không có chứng cứ để chứng minh, ngoài ra trong tháng 12/2023 ông có trả cho bà D được 20.000.000 đồng gốc, số tiền còn lại ông đóng lãi 2.000.000 đồng/ tháng đến tháng 7/2025 thì ngưng, ông không có chứng cứ để chứng minh và cung cấp cho Tòa.

Sự việc tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm hòa giải nhưng các đương sự không thoả thuận với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2026/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh đã xử:

1. Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị D về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Trần Minh Đ.

Buộc ông Trần Minh Đ có trách nhiệm trả cho bà Tạ Thị D số tiền vay gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); ghi nhận bà Tạ Thị D không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Minh Đ phải chịu 1.500.000 đồng. Bà Tạ Thị D không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 04/6/2026, bị đơn ông Trần Minh Đ kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, cho rằng ông đã trả 20.000.000 đồng, chỉ còn nợ bà D 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Trần Minh Đ trình bày nội dung kháng cáo cho rằng: Ông Đ đã trả 20.000.000 đồng, bà D có yêu cầu ông viết lại giấy nợ 10.000.000 đồng nhưng do tin tưởng bà D khi nào ông trả hết số tiền còn lại sẽ xé bỏ giấy nợ nên ông đã không viết lại giấy nợ, nay bà D khởi kiện nhưng không trừ số tiền đã trả là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn trừ 20.000.000 đồng vào tiền vay, ông chỉ còn nợ bà D 10.000.000 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án đối với kháng cáo của đương sự:

Ông Trần Minh Đ và bà Tạ Thị D thống nhất ông Đ có vay của bà D 30.000.000 đồng, ông Đ cho rằng đã trả 20.000.000 đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo của ông Trần Minh Đ được thực hiện trong thời hạn, đúng hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Minh Đ có mặt, bà Tạ Thị D vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Tạ Thị D yêu cầu ông Trần Minh Đ trả tiền vay gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Đ kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm cho rằng đã trả 20.000.000 đồng tiền gốc, yêu cầu căn trừ vào nợ. Nguyên đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh Đ, thấy rằng:

[3.1] Các đương sự trình bày thống nhất ông Trần Minh Đ có vay của bà Tạ Thị D số tiền 30.000.000 đồng, ông Đ là người viết và ký tên vào giấy nợ. Đây là những tình tiết, chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên các đương sự không thống nhất số tiền đã trả. Ông Đ cho rằng ông đã trả cho bà D 20.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu cần trừ vào nợ. Nguyên đơn bà D xác định ông Đ chưa trả tiền gốc cho bà.

[3.2] Xét lời trình bày của đương sự, đối chiếu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ cho rằng ngày 13/12/2023 ông có trả gốc cho bà D được 20.000.000 đồng, bà D có yêu cầu ông viết lại giấy nợ 10.000.000 đồng nhưng do tin tưởng bà D khi nào ông trả hết số tiền còn lại sẽ xé bỏ giấy nợ nên ông đã không viết lại giấy nợ. Tuy nhiên, ông Đ không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh và bà D xác định ông Đ chưa trả tiền vay cho bà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà D 30.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông Đ kháng cáo cho rằng đã trả 20.000.000 đồng, chỉ còn nợ 10.000.000 đồng nhưng không cung cấp chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Đ. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Minh Đ phải chịu phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Bà Tạ Thị D không phải chịu tiền án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Minh Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2026/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị D về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Trần Minh Đ.

1. Buộc ông Trần Minh Đ có trách nhiệm trả cho bà Tạ Thị D số tiền vay gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); ghi nhận bà Tạ Thị D không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Minh Đ phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Tạ Thị D không phải chịu tiền án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Minh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012722 ngày 05/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 11 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 11 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân